

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 2**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 2

2. Mã học phần: TTRUNG202

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2 (kỳ I)

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 1

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 7 bài học về các chủ điểm: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”; câu chữ “有”; câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn; câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động; cách dùng cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”; liên từ “或者”; trạng ngữ chỉ thời gian; cấu trúc “又...又...”; động từ lặp lại; cách nói ngày tháng năm; giá tiền; số tự nhiên; sự tiến hành của động tác.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa, từ mới, ngữ pháp, kỹ năng và bài tập. Kiến thức mỗi phần đều từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Các bài tập

trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng về các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Giải thích cách dùng của các cấu trúc ngữ pháp: câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”, câu chữ “有”, câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn, câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động, cách dùng cụm từ số lượng, từ hỏi số lượng “几, 多少”, liên từ “或者”, trạng ngữ chỉ thời gian, cấu trúc “又... 又.....”, động từ lặp lại, nói ngày tháng năm, giá tiền, số tự nhiên, sự tiến hành của động tác.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Hội thoại, đọc thoại về chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),.....	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Đọc hiểu được các đoạn văn 150-200 từ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, quần áo, kể lại các hoạt động ở một địa điểm có gắn thời gian tương ứng.		
MT2.4	Viết được các đoạn văn 100-150 từ về các chủ điểm: miêu tả vật, miêu tả ai đó đang làm gì, miêu tả bữa tiệc sinh nhật, giới thiệu gia đình, kể lại về việc đi mua đồ, một ngày làm việc của bản thân, kể lại bữa tiệc sinh nhật, dự định, kế hoạch trong tương lai...	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		[1.2.3.1]
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được cách đọc, cách dùng của từ vựng có trong các bài học về các chủ đề: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),.....	1	[2.1.3]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.2	Trình bày được cách dùng của cấu trúc ngữ pháp có trong bài học.	2	
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Ứng dụng các từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp đã học vào việc hội thoại theo các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),.....	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách trôi chảy, phát âm chuẩn và rõ ràng.	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第十四课: 你的车是新的还是旧的? Bài 14: Xe của bạn là xe mới hay xe cũ? 一、课文 (一) 您身体好吗 (二) 你的车是新的还是旧的 二、生词 三、注释 (一) 有一点儿忙 (二) 啊, 在那儿呢	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	<p>四、语法</p> <p>(一) 主语谓语句 (1)</p> <p>(二) 怎么问 (4) : 选择问句 : 还是.....?</p> <p>(三) 怎么问 (5) : 省略问句: “.....呢?”</p> <p>五、语音</p> <p>(一) 选择问句的语调</p> <p>(二) 省略问句的语调</p> <p>六、练习</p>							
2	<p>第十五课: 你们公司有多少职员</p> <p>Bài 15 : Công ty của các bạn có bao nhiêu nhân viên ?</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 你家有几口人</p> <p>(二) 你们公司有多少职员</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一) 我只有两个弟弟</p> <p>(二) 一百多个</p> <p>(三) 不都是外国职员</p> <p>四、语法</p> <p>(一) “有”字句</p> <p>(二) 称数法</p> <p>(三) 询问数量“几”和“多少”</p> <p>(四) 数量词组“数+量+名”</p> <p>五、语音</p>	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	六、练习							
3	<p>第十六课：你常去图书馆吗？</p> <p>Bài 16: Bạn có thường đi thư viện không?</p> <p>一、课文</p> <p>（一）你常去图书馆吗？</p> <p>（二）晚上你常做什么？</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>（一）你跟我一起去，好吗？</p> <p>（二）咱们走吧。</p> <p>（三）吧</p> <p>四、语法</p> <p>（一）时间词语作状语</p> <p>（二）“还是”和“或者”</p> <p>五、语音：句重音</p> <p>六、练习</p>	X	X	X	X	X	X	X
4	<p>第十七课：他在做什么呢</p> <p>Bài 17: Anh ấy đang làm gì?</p> <p>一、课文</p> <p>（一）他在做什么呢</p> <p>（二）谁教你们语</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>（一）怎么去呢</p> <p>（二）行</p> <p>四、语法</p>	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	(一) 动作的进行 (二) 双宾语句 (三) 询问动作行为的方式: 怎么+动词 五、语音 六、练习							
5	第十八课: 我去邮局寄包裹 Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm 一、课文 (一) 我去邮局寄包裹 (二) 外贸代表团明天去上海参观 二、生词 三、注释 (一) 顺便替我买几张邮票吧 (二) 没问题 四、语法: 连动句 五、语音: 逻辑重音 六、练习	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
6	<p>第十九课: 可以试试吗? Bài 19: Có thể thử không? 一、课文 (一) 可以试试吗? (二) 便宜一点儿吧 二、生词 三、注释 (一) 人民币的单位 (二) 太少了 四、语法 (一) 动词重叠 (二) 又.....又..... (三) “一点儿”和“有一点儿” 五、语音 (一) 词重音 (二) 语调 六、练习</p>	X	X	X	X	X	X	X
7	<p>第二十课: 祝你生日快乐 Bài 20: Chúc bạn sinh nhật vui vẻ 一、课文 (一) 你哪一年大学毕业 (二) 祝你生日快乐 二、生词 三、注释 (一) 属狗 (二) 是吗? (三) 就在我的房间 四、语法 (一) 名词谓语句</p>	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	(二) 年、月、日 (三) 怎么问 (6) : 疑问语调 五、语音 : 语调 六、练习							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên hướng dẫn sinh viên phát âm, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến chủ đề bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng), bữa tiệc sinh nhật,...

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình và nhiệm vụ giảng viên yêu cầu có liên quan đến nội dung bài học, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] *Giáo trình Hán ngữ 1*, Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

[2] *Giáo trình Hán ngữ 2*, Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

- Tài liệu tham khảo:

[3] *汉语会话301句*, Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội năm 2010

[4] *Giáo trình HSK 1*, Khuong Lê Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

[5] *Giáo trình HSK 2*, Khuong Lê Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p>第十四课：你的车是新的还是旧的？</p> <p>Bài 14: Xe của bạn là xe mới hay xe cũ?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới- Phát âm đúng các từ vựng chỉ màu sắc, kích thước, tính chất...- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa- Hội thoại giới thiệu về đồ vật <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none">一、课文二、生词三、注释	2		[1]	<ul style="list-style-type: none">- Đọc trang 124 - 127 tài liệu [1]- Luyện nghe bài 14 tài liệu [1]
2	<p>第十四课：你的车是新的还是旧的？（继续）</p> <p>Bài 14: Xe của bạn là xe mới</p>	2		[1] [3] [4]	<ul style="list-style-type: none">- Đọc trang 128 – 129 tài liệu [1]- Đọc trang 160 tài liệu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>hay xe cũ? (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是” - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>四、语法</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>			[5]	<p>[3]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 92 tài liệu [4] - Đọc trang 152 tài liệu [5] - Hoàn thành bài tập trang 131-136 tài liệu [1]
3	<p>第十五课：你们公司有多少职员</p> <p>Bài 15 : Công ty của các bạn có bao nhiêu nhân viên ?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chủ đề gia đình - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về gia đình <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p>	2		[1]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 137 - 140 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 15 tài liệu [1]
4	<p>第十五课：你们公司有多少职员？（继）</p> <p>Bài 15: Công ty của các bạn có bao nhiêu nhân viên? (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p>	2		[1] [3] [4]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 141 - 143 tài liệu [1] - Đọc trang 81, 129 tài liệu [3] - Đọc trang 58, 74 tài liệu [4]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu chữ “有”, cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少” - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 四、语法 五、语音 六、练习 				- Hoàn thành bài tập ở tài liệu [1] trang 145 - 151
5	<p>第十六课: 你常去图书馆吗?</p> <p>Bài 16: Bạn có thường đi thư viện không?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chỉ hoạt động hàng ngày - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại giới thiệu về một ngày của bản thân <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 	2		[2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 1 – 5 tài liệu [2] - Luyện nghe bài 16 tài liệu [2]
6	<p>第十六课:你常去图书馆吗? (继)</p> <p>Bài 16: Bạn có thường đi thư viện không? (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững cách dùng của các hiện tượng ngữ pháp: Liên từ “或者” và “还是” ; 	2		[2] [3] [4]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 5 - 7 tài liệu [2] - Đọc trang 200 tài liệu [3] - Đọc trang 84 - 85 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 9 - 13 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	trạng ngữ chỉ thời gian - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习				
7	第十七课：他在做什么呢 Bài 17: Anh ấy đang làm gì? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chỉ hoạt động đang xảy ra - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại hỏi đáp về hoạt động đang xảy ra Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[2]	- Đọc tài liệu trang 14 - 18 [2] - Luyện nghe bài 17 tài liệu [2]
8	Kiểm tra giữa kỳ	2		[1] [2] [3] [4]	- Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 14 đến bài 17 - Hoàn thành các nội dung trong đề cương ôn tập.
9	第十七课：他在做什么呢？ (继) Bài 17: Anh ấy đang làm gì? (tiếp) Mục tiêu: - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu có 2 tân	2		[2] [3] [4]	- Đọc trang 18 - 20 tài liệu [2] - Đọc trang 128, 281 tài liệu [3] - Đọc trang 100 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 21 - 27 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	ngữ, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习				
10	第十八课: 我去邮局寄包裹 Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm. Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chỉ các hoạt động ở bưu điện - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại về gửi đồ, gửi thư Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[2]	- Đọc trang 28 - 31 tài liệu [2] - Luyện nghe bài 18 tài liệu [2]
11	第十八课: 我去邮局寄包裹 (继) Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm (tiếp) Mục tiêu: - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu liên động - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法	2		[2] [3] [4]	- Đọc trang 31 - 33 tài liệu [2] - Đọc trang 95, 160 tài liệu [3] - Đọc trang 50 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 33 - 39 ở tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	五、语音 六、练习				
12	<p>第十九课: 可以试试吗</p> <p>Bài 19 : Có thể thử được không ?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chủ đề mua quần áo - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài đọc - Hội thoại về chủ đề mua quần áo <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 	2		[2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 40 - 44 tài liệu [2] - Luyện nghe bài 19 tài liệu [2]
13	<p>第十九课: 可以试试吗 (继)</p> <p>Bài 19 : Có thể thử được không ? (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: động từ lặp lại, cấu trúc “又...又.....” - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 四、语法 五、语音 六、练习 	2		[2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 44 - 47 tài liệu [2] - Đọc trang 114, 221 tài liệu [3] - Hoàn thành bài tập trang 47 - 53 tài liệu [2]
14	<p>第二十课: 祝你生日快乐</p> <p>Bài 20 : Chúc bạn sinh nhật vui vẻ</p>	2		[2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 54 - 57 tài liệu [2] - Đọc trang 71 - 74 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng về chủ đề thời gian (ngày, tháng, năm), sinh nhật - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại giới thiệu ngày sinh nhật <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释</p>				liệu [3] - Luyện nghe bài 20 tài liệu [2]
15	<p>第二十课: 祝你生日快乐</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, cách biểu đạt thời gian (ngày, tháng, năm) - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>四、语法 五、语音 六、练习</p>	2		[2] [3] [4]	- Đọc trang 58 - 60 tài liệu [2] - Đọc trang 74 - 75 tài liệu [3] - Đọc trang 50 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 60 - 67 ở tài liệu [2]

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiên

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên